

Số -BC/TU

DỰ THẢO

BÁO CÁO

tổng kết việc thực hiện các chủ trương liên quan đến phát triển đô thị
của tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và Kon Tum (cũ)

Căn cứ Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 (Chương trình số 16-CTr/TU ngày 25/3/2026), Chương trình công tác trọng tâm năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Chương trình số 09-CTr/TU ngày 30/12/2025); để phục vụ xây dựng Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển hệ thống đô thị văn minh, hiện đại, tập trung vào các đô thị trung tâm và động lực trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Tỉnh ủy tổng kết việc thực hiện việc thực hiện các chủ trương liên quan đến phát triển đô thị của tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và Kon Tum (cũ) như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỦ TRƯỞNG LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT
TRIỂN ĐÔ THỊ CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI (CŨ) VÀ KON TUM (CŨ)

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Nhằm đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, phát triển hệ thống đô thị bền vững, thông minh và đồng bộ; hoàn thiện thể chế, chính sách về quy hoạch, xây dựng, quản lý đô thị; đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội thiết yếu; nâng cao chất lượng sống của người dân và phát huy bản sắc văn hóa đô thị, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (viết tắt là Nghị quyết số 06-NQ/TW); Chính phủ ban hành Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (viết tắt là Nghị quyết số 148/NQ-CP).

Tỉnh ủy Quảng Ngãi (cũ) đã ban hành Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 21/8/2022 về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (viết tắt là Chương trình hành động số 21-CTr/TU).

Tỉnh ủy Kon Tum (cũ) ban hành Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 23/8/2022 về

quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 1884-KL/TU ngày 02/7/2024 về điều chỉnh một số mục tiêu tại Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 23/8/2022 của Tỉnh ủy về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum (cũ) ban hành Chương trình số 51-CTr/TU ngày 19/01/2023 thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị.

Ngay sau khi Tỉnh ủy Quảng Ngãi (cũ) và Tỉnh ủy Kon Tum (cũ) ban hành Nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển đô thị; các cấp ủy Đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội đã tổ chức tuyên truyền, quán triệt, phổ biến nội dung của Nghị quyết đến toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Giao Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh (*UBND tỉnh*) ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện¹. Chỉ đạo các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các cấp ủy Đảng cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế, đảm bảo đưa nội dung phát triển đô thị trở thành nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị các cấp.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu

1.1. Địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (cũ)

1.1.1. Các mục tiêu, chỉ tiêu về hệ thống đô thị

Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đến năm 2025 đạt tối thiểu 35,6%, đến năm 2030 đạt trên 50%. Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên của các đô thị đạt khoảng 12,5% vào năm 2025, đến năm 2030 đạt khoảng 16,5%².

- Số lượng đô thị toàn tỉnh đến năm 2025 khoảng 16 đô thị³, đến năm 2030 khoảng 18 đô thị⁴. Đến năm 2025, 100% các đô thị hiện có và đô thị mới có quy

¹ UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) ban hành Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 22/9/2022 triển khai thực hiện Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 21/8/2022 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 1551/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 phê duyệt Đề án Phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

UBND tỉnh Kon Tum (cũ) ban hành Kế hoạch số 1838/KH-UBND ngày 16/6/2023 về triển khai thực hiện các nghị quyết, chương trình về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

² Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên của các đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2021 đạt 5,63%, theo Quy hoạch chung các đô thị đến năm 2030 đạt khoảng 12,76%, 2035 đạt khoảng 16,39%.

³ TP Quảng Ngãi, Bình Sơn, Đức Phổ, Di Lăng, Lý Sơn, Mộ Đức, Thạch Trụ, Ba Tơ, Sơn Tây, Trà Xuân, Sơn Tịnh, Tịnh Phong, Minh Long, La Hà, Sông Vệ, Chợ Chùa.

⁴ TP Quảng Ngãi, Bình Sơn, Đức Phổ, Di Lăng, Ba Tơ, Ba Vì, Mộ Đức, Thạch Trụ, Nam Sông Vệ, Minh Long, Chợ Chùa, Sơn Tịnh, Tịnh Phong, Sơn Tây, Trà Xuân, La Hà, Sông Vệ, Lý Sơn.

hoạch chung, quy hoạch phân khu, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị. Phát triển thành phố Quảng Ngãi về hướng biển, đến năm 2025 hoàn chỉnh đô thị loại II và phấn đấu đạt một số tiêu chí chính về cơ sở hạ tầng của đô thị loại I, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hoá cấp đô thị; phấn đấu đến năm 2030 cơ bản đạt chuẩn đô thị loại I. Phấn đấu đến năm 2025: thị xã Đức Phổ đạt chuẩn đô thị loại IV và đạt một số tiêu chí đô thị loại III; xây dựng và mở rộng thị trấn Di Lăng thành trung tâm phát triển vùng phía Tây của tỉnh và đạt một số tiêu chí cơ bản đô thị loại IV; phát triển huyện Bình Sơn đạt tiêu chí đô thị loại IV và tiến đến thành lập thị xã.

1.1.2. Chương trình Phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 31/12/2022; đồng thời, đã được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó xác định:

+ Giai đoạn đến năm 2025: Hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh có 15 đô thị, trong đó bao gồm: 01 đô thị loại II (thành phố Quảng Ngãi), 02 đô thị loại IV (thị xã Đức Phổ, đô thị Bình Sơn), 07 đô thị loại V⁵ và 05 đô thị mới đạt tiêu chí đô thị loại V⁶. Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt khoảng 40%.

+ Giai đoạn đến năm 2030: Hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh có 18 đô thị, trong đó bao gồm: 01 đô thị loại II (thành phố Quảng Ngãi), 03 đô thị loại IV (Đức Phổ, Bình Sơn, Lý Sơn), 07 đô thị loại V⁷ và 07 đô thị mới đạt tiêu chí đô thị loại V⁸. Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt khoảng 50,22%.

1.1.3. Tình hình triển khai thực hiện đến 31/12/2025:

- Đối với tỷ lệ đô thị hóa:

+ Trước sáp nhập: Tỉnh Quảng Ngãi (cũ) đạt 39,5% (đạt chỉ tiêu đề ra trong Chương trình hành động số 21-CTr/TU); tỉnh Kon Tum (cũ) đạt 32,74%;

+ Sau sáp nhập và sắp xếp đơn vị hành chính, tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh Quảng Ngãi đạt 29,37%.

- Số lượng đô thị theo phân loại, diện tích xây dựng đô thị:

⁵ Gồm: La Hà, Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa; Mộ Đức, huyện Mộ Đức; Ba Tơ, huyện Ba Tơ; Di Lăng, huyện Sơn Hà; Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành; Trà Xuân, huyện Trà Bồng.

⁶ Gồm: Minh Long, Sơn Tịnh, Lý Sơn, Thạch Trụ, Sơn Tây.

⁷ Gồm: La Hà, Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa; Mộ Đức, huyện Mộ Đức; Ba Tơ, huyện Ba Tơ; Di Lăng, huyện Sơn Hà; Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành; Trà Xuân, huyện Trà Bồng.

⁸ Gồm: Minh Long, huyện Minh Long; Sơn Tịnh, Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh; Thạch Trụ, Nam Sông Vệ, huyện Mộ Đức; Ba Vì, huyện Ba Tơ; Sơn Tây, huyện Sơn Tây.

TT	Tỉnh/Huyện	Loại đô thị	Đất xây dựng đô thị (ha)
	TỔNG	14	73.722,08
1	Thành phố Quảng Ngãi	II	15.735,8
2	Thị xã Đức Phổ	IV	37.277
3	Thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa	V	1.242,75
4	Thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa	V	264,42
5	Thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức	V	871,72
6	Thị trấn Ba Tơ, huyện Ba Tơ	V	3.205,0
7	Thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành	V	753,46
8	Thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng	V	592,84
9	Thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà	V	5.676
10	Thị trấn Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	V	2018
11	Thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn	IV	679,883
12	Đô thị mới Minh Long, huyện Minh Long	V	1.731,49
13	Đô thị mới Lý Sơn, huyện Lý Sơn	V	150,00
14	Đô thị mới Sơn Tây, huyện Sơn Tây	V	536,17

Theo thống kê trên, đến năm 2025 chỉ có 14/16 đô thị được hình thành và đạt được tiêu chuẩn về loại đô thị đề ra trong Chương trình hành động số 21-CTr/TU (riêng Tịnh Phong và Thạch Trụ chưa hình thành được đô thị; Bình Sơn chưa hoàn thành việc phát triển toàn huyện đạt tiêu chí đô thị loại IV). 100% các đô thị được lập, phê duyệt quy hoạch chung; quy hoạch phân khu (tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu tại các đô thị: Thành phố Quảng Ngãi đạt khoảng 52%; thị xã Đức Phổ đạt khoảng 11,6%; Khu kinh tế Dung Quất, huyện Lý Sơn và Trung tâm huyện lỵ huyện Sơn Tịnh đạt 100%). Tỷ lệ đất xây dựng đô thị đạt khoảng 14,3% trên tổng diện tích tự nhiên đô thị.

1.1.4. Tình hình phát triển đô thị ứng phó biến đổi khí hậu

Thực hiện Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 20/7/2021 để triển khai thực hiện. Theo đó, các địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã rà soát, cập nhật và hoàn thành việc đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực, ngành và xác định các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn; nâng cao nhận thức của cộng đồng về biến đổi khí hậu; xây dựng mô hình cộng đồng ứng phó với thiên tai có hiệu quả trong điều kiện biến đổi khí hậu. Đồng thời, triển khai, lồng ghép các kịch bản biến đổi khí hậu trong quá trình tổ chức lập quy hoạch, xây dựng kế hoạch ứng phó, chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu và đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh.

1.1.5. Xây dựng, phát triển đô thị tăng trưởng xanh

UBND tỉnh đã chỉ đạo tổ chức thực hiện được các nội dung cơ bản sau:

- Tăng cường phổ biến kiến thức, xây dựng kế hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý các cấp về phát triển đô thị tăng trưởng xanh, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Trong quá trình góp ý, thẩm định các đồ án quy hoạch chi tiết các khu đô thị, khu dân cư cũng đã lồng ghép ý tưởng, đề xuất các tiêu chí, giải pháp phát triển đô thị xanh; đồng thời, đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các công trình hạ tầng kỹ thuật, nâng cao tỉ lệ cây xanh trên địa bàn các khu vực đô thị.

- Đầu tư lắp đặt, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường trên địa bàn các xã, phường, thị trấn, thị xã, thành phố; thay thế bóng đèn cao áp Sodium cũ bằng hệ thống bóng LED tiết kiệm điện năng. Qua đó giảm đáng kể tổn thất điện năng và chi ngân sách hằng năm cho tiền điện chiếu sáng đô thị; hướng đến hoàn thiện hệ thống chiếu sáng thông minh cho các đô thị.

1.1.6. Về phát triển đô thị thông minh

Triển khai thực hiện Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ, ngày 31/12/2022, UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án Phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030. Trên cơ sở đó, trong năm 2023, UBND tỉnh đã triển khai các nhiệm vụ theo kế hoạch đã được phê duyệt và thực hiện thí điểm ở thành phố Quảng Ngãi; giai đoạn 2023 - 2025, triển khai công tác lập cơ sở dữ liệu về quy hoạch kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh. Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý đô thị từng bước được thực hiện thông qua việc số hóa hồ sơ quy hoạch đô thị và dữ liệu hạ tầng kỹ thuật.

1.1.7. Về quản lý đầu tư phát triển đô thị

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 về việc phê duyệt Chương trình Phát triển nhà ở tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch Phát triển nhà ở tỉnh Quảng Ngãi kỳ 05 năm và năm đầu kỳ (giai đoạn 2021 - 2025); đồng thời triển khai thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở hàng năm. Công tác quản lý đầu tư phát triển đô thị được triển khai đồng bộ với việc lập và phê duyệt các chương trình phát triển đô thị, chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh.

1.2. Địa bàn tỉnh Kon Tum (cũ)

1.2.1. Các mục tiêu, chỉ tiêu về hệ thống đô thị đề ra trong Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 23/8/2022

- Mục tiêu đến năm 2025:

- + Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 40%; tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất

tự nhiên đạt khoảng 0,77 - 1,0%.

+ Toàn tỉnh có 11 đô thị, trong đó: 01 đô thị loại II (thành phố Kon Tum), 03 đô thị loại IV (huyện Ngọc Hồi, thị trấn Đắk Tô, thị trấn Đắk Hà), 07 đô thị loại V⁹.

+ 100% các đô thị có quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị.

- Mục tiêu đến năm 2030

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt tối thiểu 45%; tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt trên 1,0%.

+ Toàn tỉnh có từ 11 đến 13 đô thị, trong đó: 01 đô thị loại II (thành phố Kon Tum), 04 đô thị loại IV (thị xã Ngọc Hồi, thị trấn Đắk Tô, thị trấn Đắk Hà, thị trấn Sa Thầy), 06 đến 08 đô thị loại V¹⁰.

+ Tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu (đối với các khu vực trong thành phố, thị xã và đô thị mới) các đô thị đạt 100%.

1.2.2. Chương trình phát triển đô thị tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 12/8/2024. Trong đó, tỉnh đặt mục tiêu đến năm 2025 toàn tỉnh có 08 đô thị¹¹, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 40%; đến năm 2030 toàn tỉnh có 12 đô thị¹², tỷ lệ đô thị hóa đạt tối thiểu 45%.

1.2.3. Tình hình triển khai thực hiện đến 31/12/2025

- Đối với tỷ lệ đô thị hóa:

+ Trước sáp nhập: Tỉnh Kon Tum (cũ) đạt 32,74%¹³ (chưa đạt chỉ tiêu trong Nghị quyết số 16-NQ/TU đề ra); tỉnh Quảng Ngãi (cũ) đạt 39,5%;

⁹ Gồm 04 đô thị hiện hữu: Thị trấn Đắk Rve, thị trấn Măng Đen, thị trấn Sa Thầy, thị trấn Đắk Gle; thành lập mới 03 đô thị tại trung tâm các huyện: Kon Rẫy, Tu Mơ Rông, Ia H'Drai.

¹⁰ Thị trấn Đắk Rve, thị trấn Măng Đen, thị trấn Đắk Gle, thị trấn Kon Rẫy, thị trấn Tu Mơ Rông, thị trấn Ia H'Drai; dự kiến thành lập mới từ 01 đến 02 đô thị loại V tại xã Mô Rai, huyện Sa Thầy và tại xã Đắk Môn, huyện Đắk Gle.

¹¹ Gồm:

- 01 đô thị loại II: Thành phố Kon Tum;

- 03 đô thị loại IV: Thị trấn Plei Kần mở rộng (*huyện Ngọc Hồi*), thị trấn Đắk Tô (*huyện Đắk Tô*), thị trấn Đắk Hà (*huyện Đắk Hà*);

- 04 đô thị loại V: Thị trấn Đắk Rve (*huyện Kon Rẫy*), thị trấn Măng Đen (*huyện Kon Plông*), thị trấn Sa Thầy (*huyện Sa Thầy*), thị trấn Đắk Gle (*huyện Đắk Gle*).

* Khu vực trung tâm các huyện: Kon Rẫy, Tu Mơ Rông, Ia H'Drai (*trong phạm vi diện tích đã phê duyệt quy hoạch chung đô thị*) đạt tiêu chí về trình độ phát triển tương ứng đô thị loại V.

¹² Gồm:

- 01 đô thị loại II: Thành phố Kon Tum.

- 05 đô thị loại IV: Thị xã Ngọc Hồi, thị trấn Đắk Tô (*huyện Đắk Tô*), thị trấn Đắk Hà (*huyện Đắk Hà*), thị trấn Sa Thầy (*huyện Sa Thầy*), thị trấn Măng Đen (*huyện Kon Plông*).

- 06 đô thị loại V: Thị trấn Đắk Rve (*huyện Kon Rẫy*), thị trấn Đắk Gle (*huyện Đắk Gle*); Trung tâm huyện lỵ Kon Rẫy (*huyện Kon Rẫy*); Trung tâm huyện lỵ Tu Mơ Rông (*huyện Tu Mơ Rông*); Trung tâm huyện lỵ Ia H'Drai (*huyện Ia H'Drai*). Dự kiến thành lập mới 01 đô thị loại V tại xã Mô Rai, huyện Sa Thầy.

¹³ Chưa bao gồm tính dân số quy đổi.

+ Sau sáp nhập, tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh Quảng Ngãi đạt 29,37%.

- Đến năm 2025, có 08/11 đô thị được công nhận và phân loại, đạt chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết số 16-NQ/TU, bao gồm: 01 đô thị loại II (thành phố Kon Tum), 01 đô thị loại IV (thị trấn Plei Kần mở rộng thuộc huyện Ngọc Hồi); đồng thời UBND tỉnh đã công nhận 06 đô thị loại V theo thẩm quyền¹⁴ (Riêng đối với Đắk Tô, Đắk Hà chưa đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV và việc thành lập mới 03 đô thị tại các huyện Kon Rẫy, Tu Mơ Rông, Ia H'Drai chưa đạt mục tiêu Nghị quyết số 16-NQ/TU đề ra). 100% các đô thị được lập, phê duyệt quy hoạch chung; quy hoạch phân khu (tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu tại đô thị tại Thành phố Kon Tum đạt khoảng 16,9%)¹⁵. Tỷ lệ đất xây dựng đô thị đạt khoảng 1,043% trên tổng diện tích tự nhiên đô thị.

1.2.4. Phát triển đô thị ứng phó biến đổi khí hậu

Thực hiện Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án về phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030; Công văn số 1862/BXD-PTĐT ngày 25/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc triển khai thực hiện Quyết định số 438/QĐ-TTg. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 về Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và đánh giá khí hậu tỉnh Kon Tum. Trong đó xác định các mục tiêu chính:

- Thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đô thị trên địa bàn tỉnh Kon Tum, tăng diện tích cây xanh¹⁶, mặt nước đô thị, khuyến khích và tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh, quy hoạch các đô thị đảm bảo mật độ dân cư phù hợp.

- Triển khai thực hiện lộ trình và giải pháp xử lý rác thải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo Kế hoạch số 1448/KH-UBND ngày 07/5/2021 của UBND tỉnh¹⁷.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám sát, quan trắc chất lượng môi trường, tích hợp dữ liệu quan trắc môi trường, cảnh báo thiên tai với hệ thống Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Kon Tum. Phát triển đô thị thông minh, hiện đại, hài hòa với môi trường.¹⁸

¹⁴ Thị trấn Đắk Glei, huyện Đắk Glei; thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô; thị trấn Đắk Hà, huyện Đắk Hà; thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy; thị trấn Đắk Rve, huyện Kon Rẫy; thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông.

¹⁵ Theo quy định trước sáp nhập, các đô thị còn lại (thị trấn) không tổ chức lập QHPK (QHPK chỉ lập cho các khu vực trong thành phố, thị xã và đô thị mới).

¹⁶ Tỷ lệ đất công viên cây xanh đô thị tại thành phố Kon Tum đến năm 2025 đạt 10 m²/người, đến năm 2030 đạt 10 m²/người trở lên; các đô thị khác từ 5-7 m²/người.

¹⁷ Phân đầu đến năm 2025: 90% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý; giảm tỷ lệ rác thải được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp dưới 30% tổng lượng chất thải rắn được thu gom; cải tạo, xử lý ô nhiễm, phục hồi môi trường tại các bãi chôn lấp rác thải không hợp vệ sinh, các khu vực bị ô nhiễm môi trường do rác thải theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường đạt 100%; chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện phân loại rác tại nguồn.

¹⁸ Các nhiệm vụ, dự án đã triển khai:

1.2.5. Xây dựng, phát triển đô thị tăng trưởng xanh

Trên cơ sở mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, kế hoạch hành động và nội dung tổ chức thực hiện tại Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 19/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến 2030. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 3172/KH-UBND ngày 13/11/2018 thực hiện phát triển đô thị tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2030. Nội dung Kế hoạch đã đề ra mục tiêu thực hiện cho giai đoạn đến năm 2020 và giai đoạn 2020 - 2030, trong đó lồng ghép phát triển đô thị tăng trưởng xanh trong quy hoạch xây dựng. Xác định các vùng đô thị ưu tiên phát triển đô thị tăng trưởng xanh phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội, phát huy vai trò động lực kinh tế của các đô thị đối với toàn vùng.

1.2.6. Tình hình thực hiện phát triển đô thị thông minh

Trên cơ sở mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, giải pháp, nhiệm vụ và nội dung tổ chức thực hiện tại Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 2477/VP-HTKT ngày 16/10/2018 triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh. Trong đó, UBND tỉnh đã giao UBND các huyện, thành phố nghiên cứu, lập kế hoạch, đề xuất lộ trình thực hiện phát triển đô thị thông minh trên địa bàn phù hợp quan điểm và nguyên tắc của Đề án, lồng ghép trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; cân đối bố trí ngân sách và huy động các nguồn vốn hỗ trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo phân cấp và quy định pháp luật hiện hành để triển khai thực hiện.

Đối với địa bàn tỉnh Kon Tum, do khả năng cân đối bố trí ngân sách còn hạn chế, việc phát triển đô thị thông minh yêu cầu phải có nguồn lực đầu tư lớn, trong khi nguồn ngân sách còn hạn hẹp và phải chia sẻ cho nhiều lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội khác nhau. Do đó, việc phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Kon Tum chưa được thực hiện mà đang lồng ghép trong xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số.

1.2.7. Về quản lý đầu tư phát triển đô thị

Việc lập, triển khai các khu vực phát triển đô thị được thực hiện theo Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050¹⁹; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050²⁰.

- Điều tra, khảo sát và đánh giá nồng độ phát sinh các loại khí gây hiệu ứng nhà kính trên địa bàn tỉnh;
 - Lập bản đồ nguy cơ lũ quét và sạt lở đất trên địa bàn các huyện: Kon Plông, Đắk Glei, Đắk Tô và Tu Mơ Rông;
 - Lập bản đồ phân vùng ngập lụt huyện Kon Plông;
 - Lập bản đồ phân vùng hạn hán, đánh giá rủi ro do hạn hán trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

¹⁹ Được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1756/QĐ-TTg ngày 31/12/2023.

²⁰ Được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 12/8/2024.

Đối với chương trình phát triển từng đô thị, khu vực phát triển đô thị: Thời gian qua, UBND tỉnh đã phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Kon Tum²¹; phê duyệt hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị huyện lỵ Kon Rẫy²²; đồng thời tiếp tục chỉ đạo các địa phương tiếp tục rà soát, đề xuất khu vực phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh. Chương trình phát triển đô thị thành phố Kon Tum được phê duyệt vào tháng 8/2024, nên đến thời điểm sáp nhập đơn vị hành chính, tỉnh Kon Tum chưa triển khai được các nội dung theo chương trình đã duyệt.

2. Tình hình triển khai thực hiện các nội dung khác liên quan đến phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh

2.1. Lập, phê duyệt Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và các đô thị

2.1.1. Địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (cũ)

Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 31/12/2022. Triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh, các địa phương đã triển khai lập Chương trình phát triển cho từng đô thị và triển khai thực hiện:

- Chương trình phát triển đô thị thành phố Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 10/3/2025.

- Chương trình phát triển đô thị mới Sơn Tịnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 30/10/2023.

- Chương trình phát triển đô thị Lý Sơn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 22/4/2025.

(Đối với giai đoạn trước năm 2022, thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 03/01/2017, các đô thị đã thực hiện lập, trình phê duyệt và triển khai thực hiện các Chương trình phát triển từng đô thị gồm: Đức Phổ, Di Lăng, Tây Trà, Ba Vì, Ba Tơ, Sơn Tây, Mộ Đức, Thạch Trụ, Trà Xuân, La Hà, Sông Vệ, Minh Long,...)

2.1.2. Địa bàn tỉnh Kon Tum (cũ)

Chương trình phát triển đô thị tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 12/8/2024.

²¹ Tại Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 của UBND tỉnh Kon Tum.

²² Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 phê duyệt Hồ sơ đề xuất Khu vực phát triển đô thị trung tâm huyện lỵ Kon Rẫy .

Thời gian qua, UBND tỉnh đã phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Kon Tum (Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 22/3/2021); phê duyệt hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị huyện lỵ Kon Rẫy (Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 23/10/2019). Chương trình phát triển đô thị thành phố Kon Tum được phê duyệt vào tháng 8/2024, nên đến thời điểm sáp nhập đơn vị hành chính, tỉnh Kon Tum chưa triển khai được các nội dung theo chương trình đã duyệt.

2.2. Triển khai thực hiện quy định pháp luật về phát triển đô thị

Thực hiện Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động 19-CTr/TU ngày 21/4/2026 thực hiện Kết luận số 224-KL/TW; đồng thời lãnh đạo UBND tỉnh căn cứ các quy định hiện hành²³ ban hành Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 28/02/2026 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III, phường đạt mức quy định trình độ phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 162/KH-UBND ngày 05/5/2026 Triển khai thực hiện Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030.

- Về chủ trương lập Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, hiện tại cơ quan chuyên môn chủ trì nghiên cứu, rà soát việc lập Điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 theo đúng quy định.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Nhìn chung, giai đoạn 2021 - 2025, việc triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và Kon Tum (cũ) đã được các cấp ủy đảng, chính quyền, sở, ngành và địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, đồng bộ và đạt được nhiều kết quả tích cực. Công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và từng bước hình thành hệ thống đô thị theo hướng văn minh, hiện đại.

Tốc độ đô thị hóa tiếp tục có xu hướng tăng, mạng lưới đô thị được mở rộng cả

²³ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị, Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030.

về quy mô và phạm vi phân bố. Nhiều đô thị được đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, từng bước cải thiện diện mạo đô thị và nâng cao khả năng cung cấp dịch vụ công cho người dân. Công tác quy hoạch và quản lý phát triển đô thị có nhiều chuyển biến tích cực; tỷ lệ phủ kín quy hoạch ngày càng được nâng cao; các chương trình phát triển đô thị được triển khai đồng bộ hơn, tạo cơ sở cho việc huy động nguồn lực đầu tư và quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch.

Sau khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính, tỉnh Quảng Ngãi đã kịp thời triển khai thực hiện các quy định pháp luật mới về phát triển đô thị; rà soát, điều chỉnh các chương trình, kế hoạch, quy hoạch phát triển đô thị phù hợp với không gian phát triển mới của tỉnh; từng bước hình thành định hướng phát triển hệ thống đô thị đồng bộ, liên kết vùng, phát huy vai trò động lực của các đô thị trung tâm như thành phố Quảng Ngãi, Kon Tum, Bình Sơn, Đức Phổ, Măng Đen, Bờ Y và Lý Sơn.

2. Khó khăn, vướng mắc

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phát triển đô thị vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Chất lượng và tính đồng bộ của kết cấu hạ tầng đô thị còn chưa đáp ứng yêu cầu. Tốc độ đô thị hóa tuy có tăng nhưng chưa tạo được đột phá. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ở nhiều đô thị còn thiếu đồng bộ; chất lượng dịch vụ đô thị, hạ tầng môi trường, hạ tầng số và khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu còn hạn chế. Vai trò dẫn dắt tăng trưởng của một số đô thị chưa được phát huy đầy đủ; liên kết giữa đô thị với khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch và khu vực nông thôn còn chưa chặt chẽ. Một số dự án đô thị triển khai chậm, chưa tạo được sức lan tỏa mạnh mẽ.

Có thể nhận diện các điểm nghẽn trong phát triển đô thị hiện nay gồm: (i) kết nối giao thông liên vùng và liên đô thị chưa đồng bộ, đặc biệt giữa khu vực ven biển với miền núi và Tây Nguyên; (ii) chất lượng quy hoạch đô thị chưa đồng đều, tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu tại nhiều đô thị còn thấp; (iii) thiếu các dự án động lực có khả năng dẫn dắt phát triển không gian đô thị; (iv) năng lực cung cấp dịch vụ đô thị, hạ tầng xã hội và hạ tầng số chưa đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị hiện đại; (v) tác động của biến đổi khí hậu, ngập lụt ven sông, ven biển, sạt lở miền núi làm gia tăng chi phí đầu tư và quản lý đô thị.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Dân số, mật độ dân số nhiều vùng còn phân tán, quy mô nhỏ; điều kiện địa hình miền núi làm tăng chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng.

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế đang được áp dụng thống nhất trên toàn quốc, không căn cứ vào đặc trưng vùng, miền cũng như thực tế phát triển của từng đô thị.

Một số quy hoạch và chương trình phát triển đô thị được phê duyệt trong giai đoạn cuối kỳ nên chưa có đủ thời gian để triển khai đầu tư và hoàn thiện các tiêu chí phân loại đô thị theo kế hoạch đề ra.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Nguồn lực đầu tư cho phát triển đô thị chưa đáp ứng yêu cầu; việc huy động nguồn lực xã hội hóa và phát triển đô thị thông minh, đô thị tăng trưởng xanh còn gặp nhiều khó khăn.

- Công tác quản lý, đầu tư xây dựng và triển khai theo quy hoạch còn bất cập. Công tác phối hợp, quản lý dữ liệu và theo dõi thực hiện các chỉ tiêu phát triển đô thị ở một số địa phương chưa hiệu quả.

- Việc bám sát, theo dõi, xử lý vướng mắc phát sinh từ thực tiễn còn hạn chế, chưa quyết liệt; tiến độ triển khai một số dự án trọng điểm còn chậm, ảnh hưởng đến việc quy hoạch, đánh giá, phân loại đô thị.

PHẦN II

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG THỜI GIAN ĐẾN

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển hệ thống đô thị văn minh, hiện đại là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, có vai trò dẫn dắt quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I.

2. Phát triển hệ thống đô thị theo mô hình đa trung tâm, đa cực tăng trưởng; bảo đảm liên kết chặt chẽ giữa các đô thị trung tâm, đô thị động lực với các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch, khu vực nông thôn, miền núi, biên giới và hải đảo; phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng vùng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

3. Lấy người dân làm trung tâm phục vụ, doanh nghiệp làm động lực cốt lõi; phát triển đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên đầu tư các đô thị trung tâm, đô thị động lực, các hành lang kinh tế và các khu vực có khả năng lan tỏa, tạo động lực phát triển cho các vùng lân cận.

4. Phát triển đô thị văn minh, hiện đại trên nền tảng quy hoạch chất lượng cao, quản lý đô thị hiệu quả, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, chuyển đổi số và đô thị thông minh; gắn với tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Nhà nước giữ vai trò định hướng, kiến tạo phát triển, tập trung đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu, hạ tầng chiến lược và các dự án có tính kết nối, lan tỏa;

đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp để phát triển đô thị, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và người dân.

6. Phát triển hệ thống đô thị gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử, bản sắc địa phương; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; xây dựng môi trường sống văn minh, an toàn, thân thiện và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trong liên kết vùng, quốc gia và quốc tế.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh theo hướng bền vững, văn minh, hiện đại, giàu bản sắc gắn liền với bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, lịch sử đặc trưng của địa phương, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; gắn với yêu cầu phát triển toàn diện kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân tại các đô thị. Hạ tầng đô thị được xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại, thân thiện với môi trường. Kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh và bền vững, giữ vai trò động lực thúc đẩy và đóng góp quan trọng vào quy mô kinh tế của tỉnh.

Phát triển các đô thị trung tâm và đô thị động lực trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trở thành đô thị văn minh, hiện đại, đồng bộ về hạ tầng, có bản sắc, có sức cạnh tranh cao, đóng vai trò cực tăng trưởng, dẫn dắt và lan tỏa phát triển các đô thị trong tỉnh.

2. Chỉ tiêu đến năm 2030

- Về quy hoạch đô thị và nông thôn: 100% đô thị có quy hoạch chung được phê duyệt, rà soát và cập nhật phù hợp với Quy hoạch tỉnh; các đô thị trung tâm và đô thị động lực hoàn thành, phủ kín quy hoạch phân khu, đồng thời từng bước số hóa cơ sở dữ liệu quy hoạch phục vụ công tác quản lý, điều hành và phát triển đô thị.

- Về phát triển đô thị: hoàn thiện hệ thống đô thị theo mô hình đa trung tâm; các đô thị trung tâm cấp tỉnh đạt tiêu chuẩn đô thị loại II; các đô thị động lực cơ bản đạt tiêu chuẩn đô thị loại III; các đô thị trung tâm tiểu vùng từng bước hoàn thiện các tiêu chí phân loại đô thị theo lộ trình phù hợp với điều kiện phát triển của từng địa phương.

- Về hạ tầng kỹ thuật đô thị:

+ 100% đường chính đô thị hiện trạng được cứng hóa²⁴; ≥ 50% đường chính đô thị theo quy hoạch được cứng hóa.

+ Từ 80% đô thị, đô thị mới trở lên có hệ thống cấp nước sạch tập trung; 100%

²⁴ Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (trang 200-204): Hiện trạng: Tỷ lệ cứng hóa đường tỉnh, đường huyện đạt 100%; đường nông thôn đạt hơn 70%; đường đô thị đạt 100%.

dân số đô thị được cấp nước sạch²⁵.

+ Trên 98% chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực đô thị được thu gom, xử lý theo quy định²⁶.

- Về đô thị xanh - môi trường - cảnh quan:

+ Tỷ lệ cây xanh tại các đô thị trung tâm, đô thị động lực đạt 15 m²/người²⁷.

+ Hình thành từ 3 khu đô thị sinh thái trở lên.

- Về phát triển đô thị thông minh: 100% đô thị trung tâm và đô thị động lực được triển khai các ứng dụng công nghệ phục vụ quản lý phát triển đô thị thông minh (giao thông, chiếu sáng, cấp thoát nước, thông tin liên lạc, an ninh...)

- Về kiến trúc, cảnh quan và văn minh đô thị:

+ 100% đô thị trung tâm và đô thị động lực được ban hành và thực hiện hiệu quả quy chế quản lý kiến trúc đô thị.

+ 100% tuyến phố chính hiện trạng trong các đô thị trung tâm và đô thị động lực được đầu tư, xây dựng và chỉnh trang đồng bộ (vía hè, cây xanh, chiếu sáng).

- Về nhà ở xã hội và chất lượng sống:

+ Diện tích nhà ở bình quân $\geq 28 - 30$ m²/người; đảm bảo phát triển nhà ở xã hội theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

+ Phân đấu các đô thị trung tâm và đô thị động lực cơ bản đạt các tiêu chí chủ yếu về an ninh trật tự và văn minh đô thị.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phát triển con người và văn hóa đô thị

- Quán triệt, đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân về phát triển đô thị văn minh, hiện đại tại các khu vực trung tâm và một số đô thị động lực ở các khu vực có lợi thế để tập trung huy động các nguồn lực đầu tư phát triển đô thị theo đúng định hướng.

- Đổi mới tư duy trong quản lý phát triển đô thị; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, phân cấp, phân quyền rõ ràng cụ thể trong quản lý đất đai, trật tự xây dựng.

- Tích cực tuyên truyền nhận thức, xây dựng và thực hiện nếp sống văn minh đô thị; nâng cao ý thức cộng đồng; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, bản sắc địa phương trong phát triển đô thị.

²⁵ Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026 - 2030 (kèm Công văn số 3191/UBND-KTTH ngày 15/4/2026).

²⁶ Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026 - 2030 (kèm Công văn số 3191/UBND-KTTH ngày 15/4/2026).

²⁷ Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026 - 2030 (kèm Công văn số 3191/UBND-KTTH ngày 15/4/2026).

2. Về quy hoạch và quản lý phát triển không gian đô thị

- Nâng cao hơn nữa chất lượng trong công tác quy hoạch đô thị theo hướng đô thị xanh, thông minh, ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển bền vững. Tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn đảm bảo phù hợp với định hướng quy hoạch cấp trên và điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo phát triển hệ thống đô thị văn minh, hiện đại; hoàn thành phê duyệt quy hoạch chung đô thị và phủ kín quy hoạch phân khu đối với các đô thị trung tâm, đô thị động lực theo mục tiêu đề ra.

- Hoàn thiện cấu trúc không gian đô thị hiện đại: Tổ chức lại không gian trung tâm theo mô hình đa cực - đa chức năng (trung tâm hành chính, trung tâm thương mại - dịch vụ); kiểm soát chặt mật độ, tầng cao, kiến trúc các trục chính, quảng trường, điểm nhấn; phát triển các đô thị động lực theo vai trò: Đô thị công nghiệp - cảng biển, đô thị dịch vụ - du lịch biển, đảo, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch khám phá; phát triển đô thị vệ tinh nhằm mục tiêu tránh dồn nén, giảm áp lực hạ tầng đô thị trung tâm.

3. Về phát triển hệ thống đô thị và nâng cấp đô thị

- Tập trung đầu tư phát triển các đô thị trung tâm đạt tiêu chí đô thị loại II; các đô thị động lực và đô thị tiểu vùng đạt tiêu chuẩn phân loại đô thị theo Quy hoạch tỉnh được duyệt. Ưu tiên phát triển các đô thị có lợi thế (ven biển, khu kinh tế, du lịch, miền núi, cửa khẩu), tạo cực tăng trưởng và lan tỏa phát triển vùng.

- Đẩy nhanh tiến độ các dự án khu đô thị mới, khu đô thị phức hợp, khu đô thị sinh thái; đô thị thông minh, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đô thị. Tăng cường liên kết giữa các đô thị trong tỉnh và với các vùng lân cận.

4. Về phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ, hiện đại

- Ưu tiên đầu tư hoàn thiện hệ thống giao thông đô thị theo quy hoạch, đặc biệt là các trục vành đai, trục xuyên tâm, kết nối liên vùng; đẩy mạnh ưu tiên phát triển giao thông công cộng, từng bước hình thành các đô thị theo mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD), nâng cao khả năng kết nối và giảm áp lực giao thông đô thị.

- Đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, trong đó đặc biệt lưu ý đến cấp nước sạch, thoát nước, chống ngập úng, thu gom, xử lý chất thải rắn và nước thải, hệ thống chiếu sáng, hạ tầng kỹ thuật ngầm.

- Tăng cường phát triển mạnh mẽ hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số, dịch vụ thông minh, tiện ích đáp ứng yêu cầu của đô thị thông minh. Đồng thời, đẩy mạnh ngầm hóa hệ thống lưới điện và cáp viễn thông tại các đô thị trung tâm để bảo đảm mỹ quan, an toàn cho người dân.

- Phát triển hạ tầng đô thị đảm bảo thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng khả năng chống chịu thiên tai.

- Nghiên cứu định hướng quy hoạch, đầu tư tuyến tránh qua trung tâm thành phố Quảng Ngãi cũ hoặc các giải pháp khác phù hợp, góp phần giảm tải phương tiện trên Quốc lộ 1 đi qua trung tâm, kết nối đồng bộ hạ tầng giao thông và không gian phát triển mới.

5. Về phát triển đô thị xanh, môi trường và cảnh quan

- Tăng cường phát triển diện tích cây xanh (cây xanh đô thị, trồng rừng,...), mặt nước; hướng đến phát triển các loại hình dịch vụ du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch khám phá.

- Đầu tư xây dựng, tăng diện tích các công viên, không gian xanh, hành lang sinh thái, không gian công cộng, đặc biệt là các công viên ven sông Trà Khúc, sông Đăk Bla, ven biển. Trong đó, phấn đấu hình thành từ 5 công viên trở lên, không gian công cộng ven sông, ven biển.

- Hình thành và phát triển các khu đô thị mới, hiện đại, đô thị sinh thái (Khu đô thị An Phú - Đảo Ngọc, các khu đô thị tại Khu du lịch sinh thái Măng Đen, khu đô thị Đông Nam Dung Quất, Khu đô thị Coastal...), đô thị xanh, tiết kiệm năng lượng.

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm môi trường và nâng cao chất lượng môi trường không khí, nước và đất đô thị.

6. Về phát triển đô thị thông minh và chuyển đổi số

- Triển khai đồng bộ các ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đô thị: giao thông, cấp thoát nước, chiếu sáng, an ninh, dịch vụ công.

- Xây dựng và vận hành hiệu quả trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC). Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị, ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS), mô hình thông tin công trình (BIM) trong quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị. Phát triển chính quyền số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn diện.

7. Về kiến trúc, cảnh quan và văn minh đô thị

- Tổ chức lập, ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị, đảm bảo đến năm 2030. Tập trung đầu tư chỉnh trang các khu vực trung tâm, các tuyến phố chính theo hướng đồng bộ, hiện đại; cải tạo, nâng cấp các khu dân cư hiện hữu. Ưu tiên đầu tư xây dựng các không gian công cộng phục vụ nhu cầu của Nhân dân (quảng trường, công viên ven sông, ven biển...), gắn “hiện đại” với “bản sắc địa phương”.

- Chú trọng nâng cao chất lượng kiến trúc, cảnh quan và văn minh đô thị; tích cực xây dựng hình ảnh đô thị văn minh, sạch đẹp, có bản sắc. Việc thiết kế các "điểm nhấn đô thị" phải khai thác tối đa yếu tố lịch sử và văn hóa bản địa (như văn hóa Sa Huỳnh, văn hóa biển đảo Lý Sơn, văn hóa Cồng chiêng) trong trang trí vỉa hè, chiếu sáng nghệ thuật và công viên.

8. Về phát triển kinh tế đô thị và huy động nguồn lực

- Phát triển mạnh các ngành kinh tế đô thị: thương mại, dịch vụ, du lịch,

logistics; đẩy mạnh phát triển kinh tế số, kinh tế ban đêm, du lịch đô thị, trong đó kiến tạo “đô thị động lực” có sức lan tỏa vùng. Hình thành các trung tâm tài chính - thương mại - dịch vụ tại các đô thị trung tâm và động lực.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào lĩnh vực đô thị - dịch vụ - thương mại - du lịch, đặc biệt là các nhà đầu tư chiến lược vào các dự án đô thị lớn, khu đô thị mới, khu phức hợp, công trình trọng điểm; đa dạng hóa nguồn lực đầu tư (ngân sách nhà nước, đối tác công tư (PPP), hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nguồn lực xã hội hóa) nhằm tăng tỷ trọng kinh tế đô thị, huy động nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách.

9. Về nhà ở, dịch vụ đô thị và chất lượng sống

- Phát triển nhà ở theo quy hoạch, chú trọng đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công nhân khu công nghiệp.

- Nâng cao hơn nữa chất lượng sống của Nhân dân, chất lượng dịch vụ đô thị (y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, nhà ở xã hội, nhà ở công nhân khu công nghiệp...) và an sinh xã hội, an ninh đô thị theo hướng văn minh, hiện đại.

10. Về chính sách và quản lý đô thị

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; đẩy mạnh hoàn thiện chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư hạ tầng đô thị; hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù cho các đô thị trung tâm cấp tỉnh và trung tâm tiểu vùng, khu kinh tế và chính sách thu hút các nhà đầu tư chiến lược, công nghệ cao tham gia đầu tư vào tỉnh.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát. Quản lý chặt chẽ đất đai, trật tự xây dựng; xử lý nghiêm các vi phạm.

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức trong lĩnh vực quản lý đô thị; nâng cao năng lực quản trị đô thị theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp; tăng cường phối hợp liên ngành, liên vùng trong quản lý phát triển đô thị; đẩy mạnh giám sát việc thực hiện quy hoạch, chương trình phát triển đô thị và quản lý sử dụng đất theo quy hoạch được duyệt.

Nơi nhận:

- Các cơ quan chuyên trách TM, GV Tỉnh ủy;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Đảng ủy MTTQVN tỉnh;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Các đảng ủy xã, phường, đặc khu;
- VPTU: CVP, PCVP, P.TH;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY